

Số: 201 /GPMT-UBND

Nhơn Trạch, ngày 13 tháng 6 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 4038/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2022 của UBND huyện Nhơn Trạch về việc ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Căn cứ Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về tổ chức triển khai Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh phép môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2023 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Xét Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường số 03 MT/CV-WOOREE ngày 12 tháng 05 năm 2025, Văn bản số 06/CV-WOOREE ngày 09 tháng 06 năm 2025 của Công ty TNHH Wooree Vina về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của "Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử của Công ty



TNHH Wooree Vina quy mô công suất dưới 100 tấn sản phẩm/năm” và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Phòng Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 738/TTr-NNMT ngày 10 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Wooree Vina (sau đây gọi là Chủ cơ sở) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử của Công ty TNHH Wooree Vina quy mô công suất dưới 100 tấn sản phẩm/năm”, địa chỉ tại đường Trần Phú, Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử của Công ty TNHH Wooree Vina quy mô công suất dưới 100 tấn sản phẩm/năm.

1.2. Địa điểm hoạt động: Đường Trần Phú, Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 3600487246 đăng ký lần đầu ngày 02/01/2001, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 21 tháng 06 năm 2021 do Phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 1044556231, chứng nhận lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2001, chứng nhận thay đổi lần thứ hai mươi ba ngày 12 tháng 03 năm 2025 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp.

1.5. Mã số thuế: 3600487246

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất linh kiện điện tử.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Diện tích thực hiện cơ sở 35.162 m².
- Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất và quy trình công nghệ sản xuất của các dây chuyền sản xuất:

+ Công suất: Sản xuất linh kiện điện tử quy mô 1.355.000.000 sản phẩm/năm (Sản xuất Bảng mạch Đốt phát sáng 35.000.000 sản phẩm/năm, Sản xuất Đốt phát sáng (Led PKG) quy mô 1.320.000.000 sản phẩm/năm).

+ Quy trình sản xuất:

• Quy trình sản xuất Bảng mạch Đốt phát sáng: Nguyên liệu (thanh PCB) → Phủ lớp kem hàn (thiếc) lên bề mặt PCB (Vệ sinh khung in bằng IPA*) → Kiểm tra lượng kem hàn → Gắn Led lên PCB → Máy hàn đối lưu, làm cho Led

dính chắc vào điện cực → Làm nguội → Kiểm tra → Kiểm tra thấp sáng → In nhãn mác → Dán keo → Kiểm tra thấp sáng → Kiểm tra ngoại quan → Đo đặc tính → Kiểm tra xuất hàng → Đóng gói → Xuất hàng.

(*) Quy trình vệ sinh khung in: Khung in → Máy vệ sinh khung in tự động (Bồn dung dịch IPA/sóng rung 20 kHz đến 40 kHz → Xịt hơi làm khô) → Kết thúc, đưa khung in về quy trình sản xuất.

• Quy trình sản xuất Điốt phát sáng (Led PKG): Nguyên liệu (Leadframe (miếng bán dẫn)) → Gắn đi-ốt zener, Gắn chip → Sấy khô → Hàn dây vàng → Cố định và chuyển đổi ánh sáng Led → Sấy khô → Dập hoặc cắt Led → Vệ sinh Led (đối với công đoạn cắt Led) → Kiểm tra phân loại Led màu → Ép nhiệt → Đóng gói → Nhập kho.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ cơ sở:

1. Chủ cơ sở có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Wooree Vina có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.



2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày 13 tháng 6 năm 2035).

Điều 4. Giao Phòng Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. *tr*

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT. UBND huyện;
- Ban Quản lý các Khu công nghiệp;
- Chánh, PCVP. HĐND và UBND huyện;
- Phòng NNMT huyện (02 bản chính);
- Phòng VHKHTT huyện (công khai trên Trang thông tin điện tử huyện);
- Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và KCN Idico;
- Chủ cơ sở (thực hiện);
- Lưu: VT, TH (Ti, S). *tr*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Quốc Tân

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 204 /GPMT-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ cơ sở khoảng 64 m^3 /ngày đêm được xử lý qua 06 bể tự hoại 3 ngăn (tổng thể tích $79,2 \text{ m}^3$), sau đó theo đường ống thu gom chảy về 02 hố ga đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Trạch I (KCN Nhơn Trạch I), không xả trực tiếp ra môi trường.

- Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh hệ thống làm mát, giải nhiệt định kỳ 1 năm/lần phát sinh khoảng 3 m^3 /lần vệ sinh theo đường ống thu gom chảy về 02 hố ga đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Nhơn Trạch I, không xả trực tiếp ra môi trường.

- Công ty TNHH Wooree Vina đã ký hợp đồng xử lý nước thải số 185/HĐ-CT ký ngày 23/12/2016 và phụ lục hợp đồng xử lý nước thải số 61/CT-ĐT ngày 10/08/2018 với Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Idico về việc tiếp nhận và xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động tại cơ sở tại KCN Nhơn Trạch I đạt quy chuẩn môi trường cho phép theo quy định cột A, QCVN 40:2011/BTNMT, áp dụng hệ số $K_q=0,9$ và $K_f=0,9$.

- Công ty không được xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt từ hoạt động vệ sinh cá nhân của công nhân viên, lao động (khu vực văn phòng, nhà xưởng, nhà bảo vệ) sau khi xử lý sơ bộ bằng 06 bể tự hoại 3 ngăn (tổng thể tích $79,2 \text{ m}^3$) được thu gom bằng đường ống uPVC D200mm đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Nhơn Trạch I, không xả trực tiếp ra môi trường.

- Nguồn nước thải từ quá trình vệ sinh hệ thống làm mát, giải nhiệt khoảng 3 m^3 /lần vệ sinh (1 năm vệ sinh 1 lần) được thu gom bằng đường ống uPVC D200mm đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Nhơn Trạch I, không xả trực tiếp ra môi trường.

- Vị trí đầu nối: Tại 02 hố ga đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Nhơn Trạch I.



+ Vị trí 1: 01 hố ga trên góc đường số 03 và đường Trần Phú. Tọa độ vị trí: $X = 1187802$; $Y = 409700$.

+ Vị trí 2: 01 hố ga trên đường số 03. Tọa độ vị trí: $X = 1187766$; $Y = 409547$.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $107^{\circ}45'$ múi chiều 3°).

- Lưu lượng đầu nổi nước thải tối đa: $67 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Chế độ đầu nổi nước thải: liên tục.

- Phương thức đầu nổi: tự chảy (24/24 giờ).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt (sau bể tự hoại 3 ngăn) + Nước thải sinh hoạt từ quá trình rửa tay, chân + Nước thải từ quá trình vệ sinh hệ thống làm mát, giải nhiệt → Hố ga thu gom → Đầu nổi với KCN Nhơn Trạch I tại 02 điểm → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 06 bể tự hoại 03 ngăn (tổng thể tích $79,2 \text{ m}^3$).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không

1.3. Chất lượng nước thải trước khi đầu nổi vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp phải đạt giới hạn tiếp nhận của Khu công nghiệp Nhơn Trạch I theo thỏa thuận giữa Chủ cơ sở và đơn vị xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Nhơn Trạch I.

1.4. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.5. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại: bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra như: tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc đường ống dẫn, tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu. Trường hợp này phải tiến hành thông ống dẫn khí nhằm hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho nhà vệ sinh;

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn;

- Khi xảy ra sự cố đối với hệ thống thu gom, đầu nổi nước thải, ngừng hoạt động đối với các công đoạn phát sinh nước thải hoặc tạm ngừng hoạt động sản xuất tại nhà máy để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý;

- Vị trí điểm đầu nổi vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Trạch I: tại 02 hố ga đầu nổi vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Nhơn Trạch I (01 hố ga trên góc đường số 03 và đường Trần Phú và 01 hố ga trên đường số 03).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản d Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của nước thải theo yêu cầu đầu nổi, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, không xả thải trực tiếp ra môi trường; phối hợp chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp I trong việc kê khai, giám sát khối lượng nước thải đầu nổi; bảo đảm tổng khối lượng nước thải được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Trạch I không vượt quá công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

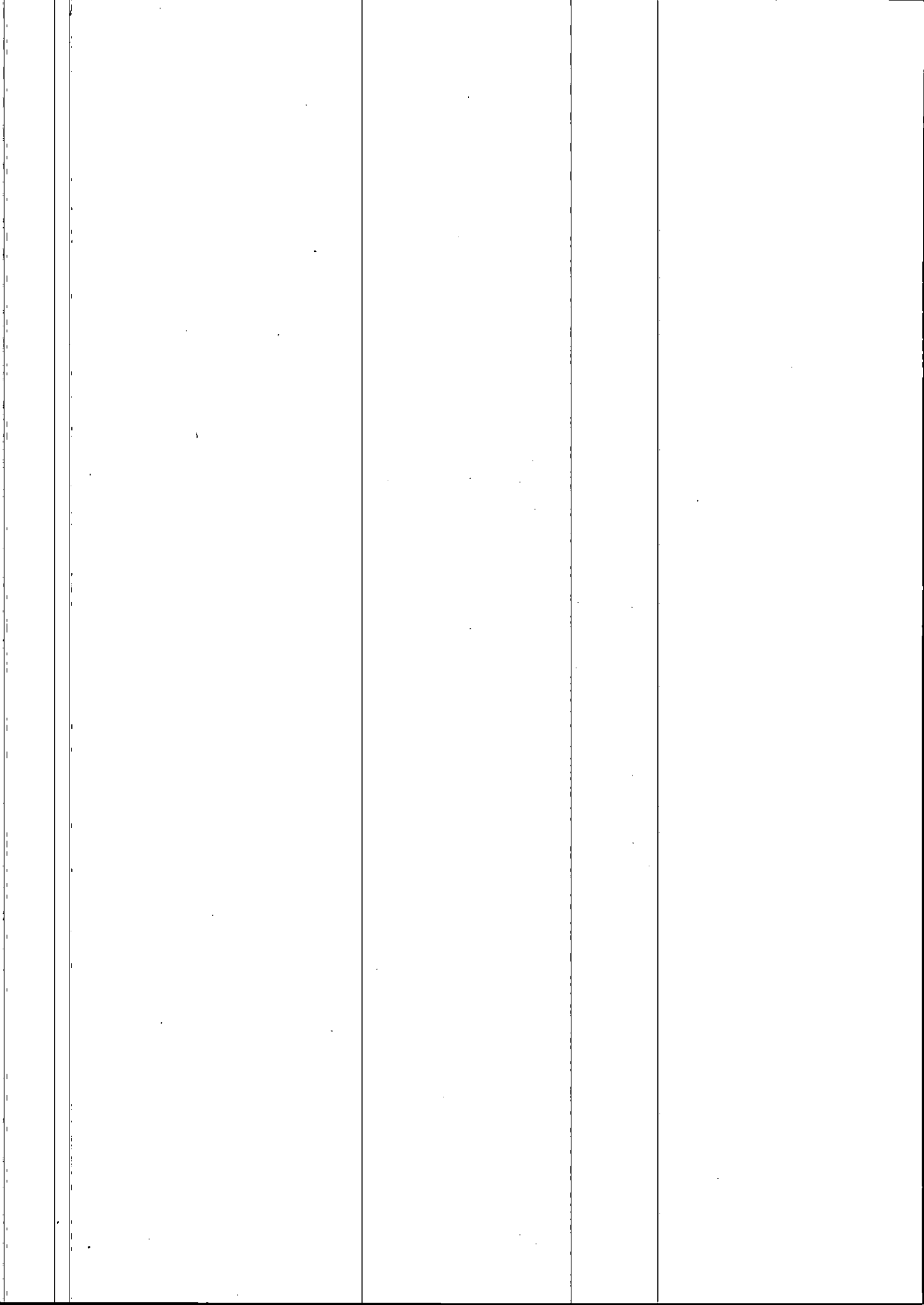
3.2 Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; lưu giữ số liệu tại cơ sở và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm.

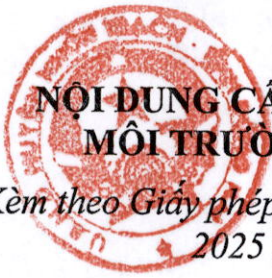
3.3. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát các đường ống thoát nước thải nhằm kịp thời phát hiện, khắc phục tránh nước thải thấm trực tiếp vào môi trường đất.

3.4. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nổi nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhơn Trạch I để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

3.5. Nghiêm cấm việc xả nước thải vào hệ thống thoát nước mưa. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải ra môi trường. Khi xảy ra các vấn đề liên quan về nước thải của cơ sở, Chủ cơ sở kịp thời có biện pháp xử lý trước khi thải ra môi trường.







PHỤ LỤC 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 204 /GPMT-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Nhon Trach)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Nhiệt thừa, hơi nóng phát sinh từ công đoạn sấy tại xưởng sản xuất Điốt phát sáng (Led PKG).
- Nguồn số 02: Hơi nóng, khí thải phát sinh từ công đoạn hàn tại xưởng sản xuất Bảng mạch Điốt phát sáng.
- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng, sử dụng nhiên liệu là dầu DO.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

Chỉ có nguồn, không có dòng khí thải (không thuộc đối tượng cấp phép môi trường), cụ thể như sau:

- Khí thải, Nhiệt thừa, hơi nóng từ nguồn số 01, số 02 phát sinh từ quá trình hàn, sấy do cơ sở sử dụng nguyên liệu hàn là thiếc và sử dụng nhiên liệu điện để hàn, sấy, nên không qua hệ thống xử lý khí thải, thoát ra ống thải.

- Khí thải nguồn số 03 phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu là dầu DO, không qua hệ thống xử lý khí thải, thoát ra ống thoát khí.

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Ống thải trung tâm thoát nhiệt thừa, hơi nóng từ công đoạn sấy tại xưởng sản xuất Điốt phát sáng (Led PKG). Tọa độ: X = 1187753; Y = 409545. (nguồn số 1).

- Ống thải trung tâm thu gom thoát hơi nóng, khí thải từ công đoạn hàn tại xưởng sản xuất Bảng mạch Điốt phát sáng. Tọa độ: X = 1187705; Y = 409703. (nguồn số 2)

- Ống thải của máy phát điện dự phòng. Tọa độ: X = 1187780; Y = 409646. (nguồn số 3)

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiều 3°)

2.2. Phương thức xả khí thải: khí thải được xả ra môi trường qua ống thoát khí thải, xả liên tục khi phát sinh.

2.3. Chất lượng khí thải khi xả vào môi trường không khí: phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ theo QCVN 19:2009/BTNMT

(cột B với $K_v = 0,8$ và K_q theo lưu lượng thải), Quy chuẩn khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ theo QCVN 20:2009/BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Nhiệt thừa, hơi nóng phát sinh từ công đoạn sấy tại xưởng sản xuất Diốt phát sáng (Led PKG) được thu gom bằng đường ống kín và thoát ra ngoài môi trường qua ống thải, kích thước D600x800mm, cao 5 m tính từ mặt đất.

- Nguồn số 02: Hơi nóng, khí thải phát sinh từ công đoạn hàn tại xưởng sản xuất Bảng mạch Diốt phát sáng được thu gom bằng đường ống kín và thoát ra ngoài môi trường qua ống thải, kích thước D400x600mm, cao 5 m tính từ lầu 1.

- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng, được thu gom bằng đường ống kín và thoát ra ngoài môi trường qua ống thải, kích thước D90mm, dài 2,5m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Công ty không lắp đặt các công trình thiết bị xử lý bụi, khí thải.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ tiến hành kiểm tra các thiết bị thu gom khí thải; vệ sinh đường ống hút khí thải, hơi nóng để tăng hiệu suất thu gom.

- Có biện pháp kiểm soát, giảm thiểu hơi nóng, khí thải phát sinh trong quá trình sản xuất đảm bảo quy chuẩn môi trường quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

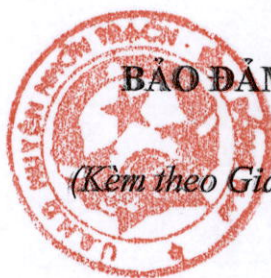
Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản c Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Đảm bảo toàn bộ bụi, khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở phải được thu gom, xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với $K_v = 0,8$ và K_q theo lưu lượng thải), Quy chuẩn khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ theo QCVN 20:2009/BTNMT. Không xả bụi, khí thải không đạt quy chuẩn ra môi trường.

- Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại giấy phép này ra môi trường.

PHỤ LỤC 3


**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 201 /GPMT-UBND ngày 13 tháng 06 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Nhon Trach)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:
1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Từ khu vực nhà đặt máy nén khí 1
- Nguồn số 02: Từ khu vực nhà đặt máy nén khí 2
- Nguồn số 03: Từ khu vực quạt hút của ống thải trung tâm thoát nhiệt thừa, hơi nóng tại xưởng sản xuất Điốt phát sáng (Led PKG).
- Nguồn số 04: Từ khu vực quạt hút của ống thải trung tâm thoát hơi nóng, khí thải tại xưởng sản xuất Bảng mạch Điốt phát sáng.
- Nguồn số 05: Từ máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01 có tọa độ: X = 1187751; Y = 409622.
- Nguồn số 02 có tọa độ: X = 1187668; Y = 409711.
- Nguồn số 03 có tọa độ: X = 1187753; Y = 409545.
- Nguồn số 04 có tọa độ: X = 1187705; Y = 409703.
- Nguồn số 05 có tọa độ: X = 1187780; Y = 409646.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107⁰45', vĩ chiều 3⁰)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung: (QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung), cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	QCVN 26:2010/BTNMT		QCVN 24:2016/BYT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn (giờ)	Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương (L_{Aeq}) - dBA		
1	70	55	8	85	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

STT	Khu vực	Thời gian áp dụng trong ngày và gia tốc rung cho phép, dB	
		6 giờ - 21 giờ	21 giờ - 6 giờ
1	Khu vực thông thường	70	60

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực. Các máy móc thiết bị thực hiện phục vụ sản xuất được bảo dưỡng bảo trì, thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Trang bị bảo hộ lao động (nút bịt tai chống ồn) cho lao động tại các khu vực phát sinh tiếng ồn nhiều. Đồng thời, có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.

- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 201 /GPMT-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

- Khối lượng phát sinh: 7.560 kg/năm.

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
1	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác (Vỏ chai thủy tinh hóa chất)	Rắn	6.080	18 01 04	KS
2	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	Rắn	30	08 02 04	KS
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	20	17 02 03	NH
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	328	18 01 03	KS
5	Giẻ lau dính thành phần nguy hại	Rắn	220	18 02 01	KS
6	Các thiết bị điện thải khác có hoặc nhiễm PCB (sản phẩm bảng mạch đốt phát sáng lỗi)	Rắn	230	19 02 02	KS
7	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại) (sản phẩm đốt phát sáng lỗi)	Rắn	50	19 02 06	NH
8	Hóa chất hữu cơ thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại (hóa chất vệ sinh khùng in, máy móc thiết bị...)	Rắn/lỏng	600	19 05 04	KS
9	Pin thải	Rắn	2	19 06 02	NH



STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)			7.560		

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Khối lượng phát sinh: 70.392 kg/năm.

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu
1	Hộp chứa mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực như mực in văn phòng, sách báo)	Rắn	12	08 02 08	TT
2	Pallet gỗ	Rắn	1.800	11 02 02	TT-R
3	Nhựa (các dây nhựa, rulo nhựa từ các vật liệu đóng gói Led, nylon)	Rắn	30.420	11 02 04	TT-R
4	Kim loại và hợp kim các loại không lẫn với CTNH (các khung kim loại thải trong quá trình cắt led ra khỏi khung)	Rắn	28.610	11 04 03	TT-R
5	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ (bao bì đóng gói, giấy từ văn phòng)	Rắn	750	18 01 05	TT-R
6	Bùn từ bể tự hoại	Bùn	8.800	12 06 13	TT
Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)			70.392		

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Khối lượng phát sinh: 124.000 kg/năm.

STT	Nhóm chất thải rắn sinh hoạt & CTRCNTT	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng tái chế	12.400
2	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm thực phẩm	37.200
3	Chất thải rắn sinh hoạt khác	74.400
Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)		124.000

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bao bì, thùng, phuy, có nắp đậy.

2.1.2. Khu lưu chứa:

- 01 khu vực có tổng diện tích lưu chứa: 25 m²

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Khu chứa chất thải nguy hại có mái che, che kín bằng tôn xung quanh, nền bê tông, lắp dấu hiệu cảnh báo, dán mã chất thải nguy hại và phân loại chất thải nguy hại tại khu lưu giữ. Trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy dụng cụ bảo hộ lao động, các vật liệu ứng phó khắc phục nếu có sự cố xảy ra.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa, bao chứa chuyên dụng.

2.2.2. Khu lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 140 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Có mái che, che kín bằng tôn xung quanh, nền bê tông chống thấm. Khu vực lưu chứa có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích chứa 20 lít và 120 lít đặt tại nhà vệ sinh, văn phòng làm việc và khu vực đường nội bộ xung quanh nhà máy.

2.3.2. Khu lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 15 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Có mái che, che kín bằng tôn xung quanh, nền bê tông. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải, thực hiện thu gom, lưu giữ, phân loại, chuyển giao xử lý toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải dạng lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất:

Hóa chất được lưu giữ riêng trong khu hóa chất có chống thấm, có gờ chống tràn và rãnh thu gom hóa chất đổ tràn, đồng thời trang bị thiết bị, dụng cụ ứng cứu sự cố hóa chất chuyên dụng sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố đặt tại kho hóa chất và các vị trí sử dụng hóa chất. Những người làm việc với hóa chất phải được đào tạo, nắm rõ MSDS (Material Safety Data Sheets) của hóa chất và tuân thủ các quy định về an toàn trong vận chuyển, bốc dỡ hóa chất, bảo quản, lưu trữ, sử dụng và thải bỏ hóa chất. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phòng ngừa và ứng phó theo quy định.

3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của cơ sở, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.



PHỤ LỤC 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 101 /GPMT-UBND
ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Nhon Trach)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

2. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu.

3. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của Cơ sở theo quy định.

5. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của Cơ sở; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của Cơ sở.

6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Cơ sở được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Cơ sở theo các quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời tuân thủ thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành.

8. Trong quá trình hoạt động nếu Cơ sở có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến đơn vị kinh doanh quản lý hạ tầng Khu công nghiệp, UBND huyện Nhơn Trạch, Sở Nông Nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai và các cơ quan có liên quan, Chủ cơ sở chỉ được phép hoạt động lại sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

9. Thực hiện các biện pháp giáo dục, tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, phân loại chất thải tại nguồn, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho Cơ sở.

10. Tuân thủ đúng các quy định an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng cháy chữa cháy, an toàn hóa chất và các quy định khác có liên quan đến hóa chất.

11. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

12. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.